

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: 01/06/2000

Giảng tại: Tịnh tông Học hội Singapore

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 9

Mời mở kinh, trang thứ ba, chúng tôi đã giới thiệu đề kinh, tiếp theo giới thiệu nhân đề. Kinh Phật là do Thích-ca Mâu-ni Phật nói, sau khi Phật diệt độ, đệ tử Phật đem nó kết tập, viết thành văn tự và trở thành kinh điển. Văn tự viết thời đó là văn tự xưa của Ấn Độ, gọi là Phạn văn, hiện nay người Ấn Độ cũng không dùng nữa. Khi lưu truyền đến Trung Quốc thì cần phải thông qua phiên dịch, vì vậy kinh Phật nhất định phải có tên của người phiên dịch. Người phiên dịch là người chủ trì việc dịch kinh, trên thực tế người tham gia phiên dịch rất nhiều. Dịch trường nổi tiếng nhất ở Trung Quốc, như hồi đó có dịch trường của đại sư Cưu-ma-la-thập, chúng ta biết có hơn 400 người, còn có dịch trường của đại sư Huyền Trang có đến hơn 600 người, đây là những viện dịch kinh có quy mô rất lớn. Người phiên dịch là viện trưởng của viện dịch kinh thời bấy giờ, là người phụ trách. Chúng ta phải biết nhân viên dịch kinh rất nhiều, cho nên vô cùng thận trọng, không phải một người tự mình dịch, mà có rất nhiều người tham gia. Nhân đề:

Đường, Vu Điền, Tam Tạng pháp sư, Thật-xoa-nan-đà dịch.

“Đường” ở đây là đại biểu cho niên đại, bộ kinh này được dịch vào thời nào? Vào thời Đường. “Vu Điền” là quê quán của pháp sư, pháp sư là người vùng nào? Chỗ này nói rõ cho chúng ta thấy, ngài là người nước Vu Điền. Vu Điền hiện nay nằm ở vùng phía nam Tân Cương, hiện nay nơi này gọi là Hòa Điền, lúc bấy giờ là một nước nhỏ ở Tây Vực, là nơi thông thương chủ yếu từ Trung Quốc đến châu Âu, đây chính là trung tâm văn hóa thương nghiệp, pháp sư là người vùng này. “Tam Tạng pháp sư”, nói theo lời hiện nay tức là học lực của ngài thông đạt Tam Tạng thì mới có thể gọi là Tam Tạng pháp sư, người chủ trì phiên dịch kinh điển nhất định phải thông đạt Tam Tạng, vì vậy đại đức dịch kinh đều là Tam Tạng pháp sư. “Thật-xoa-nan-đà” là tên của ngài, đây là dùng Phạn văn để đặt tên, ý nghĩa là “hỷ học”, tên gọi rất hay, nghĩa là thích học tập. Điều này vô cùng quan trọng trong quá trình học Phật của chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia. Người Trung Quốc gọi là “hiếu học”, người có thể hiếu học thì chắc

chấn có thể thành tựu, bất luận là thế pháp hay Phật pháp, nếu người không hiểu học, lười biếng thì học nghiệp, đạo nghiệp đương nhiên không thể thành tựu. Vì vậy, chúng ta đọc hàm nghĩa danh hiệu của vị pháp sư này, chúng ta cũng cần cố gắng học tập theo ngài.

Pháp sư đến Trung Quốc vào thời đại Võ Tắc Thiên triều Đường. Trong những bản dịch của ngài, bộ kinh nổi tiếng nhất và được người Trung Quốc vô cùng ưa thích đọc tụng, nói chung thịnh hành nhất là kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên, là do pháp sư dịch. Ngoài ra còn một bộ điển tịch khác vô cùng quan trọng, đó là Bát Thập Hoa Nghiêm, bản mà hiện nay chúng ta chọn dùng để học Hoa Nghiêm, chính là do đại sư Thật-xoa-nan-đà phiên dịch, là bản gồm 80 quyển. Từ đây có thể biết, sự cống hiến của pháp sư đối với Phật giáo Trung Quốc rất lớn, sức ảnh hưởng đối với Phật giáo Trung Quốc cũng không thua kém gì ngài La-thập và Huyền Trang. Trong lịch sử dịch kinh, ngài là một nhân vật rất quan trọng.

Chữ cuối cùng là “dịch”, dịch là phiên dịch, đem Phạn văn phiên dịch thành Hoa văn, ý nghĩa này không cần nói nhiều nữa, trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Địa Tạng chúng tôi đều đã báo cáo cặn kẽ rồi, tôi chỉ giới thiệu đơn giản đến đây thôi. Tiếp theo, chúng ta xem phần kinh văn.

Như thị ngã văn: Nhất thời, Phật tại Sa-kiệt-la long cung, dữ bát thiên đại tỳ-kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ-tát ma-ha-tát câu.

(Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở long cung Sa-kiệt-la, cùng với tám ngàn chúng đại tỳ-kheo, ba mươi hai ngàn Bồ-tát ma-ha-tát.)

Đoạn kinh văn này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, nhất định không được lơ là. Vì sao vậy? Vì nó không giống như những kinh văn khác. Chúng ta đọc kinh Di-đà, kinh Di-đà là Phật giảng tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, là giảng tại nhân gian. Bộ kinh này là giảng tại long cung, hay nói cách khác, không phải giảng tại nhân gian, thế là người hiện nay liền nảy sinh nghi ngờ là bộ kinh này có phải do người đời sau ngụy tạo không? Làm gì có long cung! Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển, tàu ngầm đã đi xuống tận đáy biển rồi, hầu như không có chỗ nào mà chưa đi đến, trước giờ chưa từng phát hiện thấy long cung. Vấn đề này chúng ta cần phải có sự giải thích hợp tình hợp lý để giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín.

Chúng ta bắt đầu xem từ câu thứ nhất: “*Như thị ngã văn*”. Như thị, đoạn văn tự này là do tôn giả A-nan thêm vào khi kết tập kinh điển, đoạn này không phải do Phật nói, từ câu tiếp theo mới là do Phật nói, đây là phần thêm vào. “Ngã”

là tôn giả A-nan tự xưng, “như thị” chính là chỉ bộ kinh này, bộ kinh này là do A-nan tôi đích thân nghe Phật nói ra. “Văn” là chính tôi nghe, không phải truyền thuyết, do đích thân Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Vì vậy, “như thị” là từ chỉ pháp, tức là chuyên chỉ bộ kinh này. Ý nghĩa này cạn, nó còn có một ý nghĩa khác rất sâu, trong Đại Trí Độ Luận, một câu gồm bốn chữ này, trong kinh văn của “luận”, tôi nhớ hình như là chiếm hơn bốn quyển chỉ để giải thích bốn chữ này. Nếu như dùng chú giải của Đại Trí Độ Luận để giảng thì có lẽ chúng ta giảng một tháng cũng không giảng xong một câu này. Do đây có thể biết, kinh Phật từng câu từng chữ đều chứa vô lượng nghĩa, lời nói này là thật, nhất định không giả dối.

“Nhu” là nói chân như, nói tự tánh, chỉ có chân như tự tánh mới là “thị”. Nói cách khác, ngoài chân như tự tánh ra đều là “phi”, ở trong Phật pháp gọi là chân và vọng. Tại sao nói ngoài chân tánh ra đều không phải thị? Vì ngoài chân tánh ra đều là huyền tướng. Trong kinh Kim Cang nói rất hay: *“Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng.”* Tất cả pháp hữu vi có hay không vậy? Có, tuy có nhưng nó không phải thật, chân như năng biến là thật, hiện tượng được biến ra là hư huyễn, là không chân thật. Chẳng những là hư huyễn không chân thật, mà còn nói cho chúng ta biết nó không tồn tại, cho nên phần cuối kinh Kim Cang nói *“như sương cũng như chớp, nên quán sát như thế”*, vậy bạn có thể thấy được chân tướng của hiện tượng vũ trụ. Phạm phu chúng ta bị những cảnh giới hư huyễn này che lấp, cũng giống như hiện nay chúng ta xem phim, bị hình ảnh trong phim lừa, cho rằng hình ảnh đó là chân thật, thật ra nó là giả. Cái giả này, mỗi người chúng ta đều có thể thể hội được. Thế nhưng nếu nói tất cả cảnh giới hiện thực này của chúng ta là giả thì rất nhiều người không có cách gì thể hội được, cho rằng đây là chân thật. Đạo lý này, trước đây trong kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đã giới thiệu tường tận cho quý vị rồi, cũng đã tốn rất nhiều thời gian, trong đó nói rõ hết thấy hiện tượng biến đổi theo từng sát-na, nó sinh diệt trong từng sát-na, vì vậy nó không phải thật, nó không thật sự tồn tại. Thật sự tồn tại là pháp tánh năng biến, pháp tánh cũng gọi là chân như.

Tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói cho chúng ta đều là từ trong tự tánh lưu lộ ra, cho nên gọi là như thị, tuyệt đối không phải sinh ra từ trong ý nghĩ của chúng ta. Hiện nay, người thông thường gọi là ý nghĩ, tư tưởng, quan niệm của chúng ta, trong Phật pháp gọi là tâm, ý, thức. Tâm là a-lại-da, ý là mặt-na, thức chính là ý thức, chúng ta gọi là ý thức thứ sáu, chắc chắn không phải từ đây lưu lộ ra. Nhưng chúng sanh trong thập pháp giới, tư tưởng tri kiến của họ không lìa tâm, ý, thức, nếu lìa tâm, ý, thức thì thoát khỏi thập pháp giới. Thoát khỏi thập pháp

giới, trong kinh Phật có một danh từ gọi là nhất chân pháp giới, liền vào nhất chân pháp giới. Vào nhất chân pháp giới, đây chính là chư Phật Như Lai, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp thân đại sĩ, đây là đạt đến giải thoát cứu cánh, đích thực được đại viên mãn. Trong Thiền tông gọi là “mặt mũi vốn có trước khi cha mẹ chưa sanh ra”, chúng ta đã tìm được rồi, trở về tự tánh.

Trở về tự tánh có lợi ích gì? Lợi ích rất nhiều, trở về tự tánh là tìm được chính mình, chân tâm tự tánh của mình biến hiện ra hư không pháp giới, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, nói theo lời hiện nay là bạn có thể làm chủ. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là cảnh giới hưởng thụ, thọ dụng của chính mình, chúng ta gọi người này là chư Phật Bồ-tát. Khi chưa thể chứng đắc, chúng ta ở trong cảnh giới hư huyền do tự tánh biến hiện ra, đời sống của chúng ta không tự do, đời sống của chúng ta bị cảnh giới chuyển nên khổ không nói nên lời. Bản thân chúng ta không thể làm chủ trong cảnh giới, ai làm chủ vậy? Nghiệp lực làm chủ. Sau khi minh tâm kiến tánh thì không phải nghiệp lực làm chủ, mà chính mình làm chủ.

Chưa kiến tánh thì chắc chắn không có “ngã”. Ở trong Phật pháp gọi là “thường, lạc, ngã, tịnh”, đây gọi là bốn tịnh đức, là thật có, nhất định không giả. Nhưng chúng ta chưa kiến tánh nên nó là hữu danh vô thực. Thế gian chúng ta có bốn danh tự “thường, lạc, ngã, tịnh”, nhưng trên thực chất hoàn toàn không có. “Thường” là vĩnh hằng bất biến, hoàn cảnh hiện thực của chúng ta, thân thể này có sự thay đổi của sinh lão bệnh tử, thực vật có sinh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, vậy thì làm gì có thường? Thường không có. Lạc cũng không có, lạc là gì? Chúng ta đều không nghĩ ra, Phật nói rất thấu triệt, lạc là cái khổ của chúng ta tạm thời dừng lại một chút, bạn bèn cảm thấy lạc. Lấy một ví dụ rất đơn giản, mỗi ngày bạn phải ăn ba bữa cơm, nếu không ăn một bữa thì đói rất khổ sở. Khi bạn ăn no rồi, cái khổ do đói đó tạm thời dừng lại một chút, cảm thấy cũng được, rất vui. Đến giờ mà không ăn thì khổ lập tức hiện tiền, chỉ có khổ mà không có lạc. Cho nên đối với phàm phu lục đạo thì khổ là thật, vui là giả, không có vui. “Ngã” là gì? Ngã là tự mình có thể làm chủ được thì mới gọi là ngã. Bản thân chúng ta không thể làm chủ được, nếu tự mình thật sự có thể làm chủ, vậy năm nào cũng 18 tuổi thì tốt biết bao! Điều này chúng ta không làm được, tự mình không thể làm chủ được chính mình. “Tịnh” thì không cần phải nói nữa, tịnh là thân tâm thanh tịnh, trong tâm chúng ta không sạch vì có thị phi nhân ngã, có tham sân si mạn. Thân này lại càng không sạch, ở Singapore, khu vực nhiệt đới này, một ngày không tắm rửa, bạn thấy trên người chảy mồ hôi, làm

sao sạch được? Cho nên “thường, lạc, ngã, tịnh”, bốn chữ này không những phạm phu lục đạo không có, mà tứ thánh pháp giới cũng không có, người ở nhất chân pháp giới thì thật có. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Vô Lượng Thọ nói với chúng ta, người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thường trụ bất biến, họ thấy đều đầy đủ “thường, lạc, ngã, tịnh”, đây là thật, không phải giả.

Kinh giáo mà tất cả chư Phật Như Lai đã nói với tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới là gì vậy? Là hai chữ “như thị” mà thôi. “Như” này là gì? Là chân tướng sự thật, những điều Phật đã nói nhất định hoàn toàn tương ưng với chân tướng sự thật, Phật không hề thêm cũng không hề bớt tí nào, điều đã nói hoàn toàn tương đồng với chân tướng sự thật, đây gọi là như thị, ý này thì tương đối sâu một chút. Cho nên, Phật nhất định không có ý của mình, nhất định không có sự sáng tạo của mình. Thực tế mà nói, sáng tạo đều là hư vọng cả, không phải chân thật. Những điều Phật đã nói hoàn toàn là tùy theo việc mà nói, đem đạo lý, sự tướng, nhân quả của vũ trụ nhân sinh, sự chuyển biến của nhân quả, sự tiếp nối của nhân quả nói ra cho chúng ta mà thôi. Do đây có thể biết, từng câu mà chư Phật Như Lai nói ra đều là tình trạng đời sống hiện thực của chúng ta, sau đó mới hiểu được Phật pháp có quan hệ vô cùng mật thiết với bản thân chúng ta. Học Phật pháp là để hiểu rõ chính mình, nhận thức hoàn cảnh đời sống thật sự của mình, chẳng qua là như vậy mà thôi.

Từ đó cho thấy, giáo học Phật pháp là giáo học chân thật cứu cánh viên mãn hàng đầu trong thế gian, chúng ta không thể không biết, không thể không học tập. Thông qua học tập, chúng ta mới thực sự nhận thức được chính mình, hiểu rõ chân tướng hoàn cảnh sống của mình. Khế nhập vào cảnh giới này, ở trong kinh Phật gọi họ là Bồ-tát, nếu như đạt đến cứu cánh viên mãn thì được gọi là Phật. Vì vậy Phật, Bồ-tát là danh xưng trong giai đoạn giáo học, giáo dục của Phật. Thế nhưng giai đoạn này là giai đoạn bạn có thành quả, giai đoạn thứ nhất gọi bạn là A-la-hán, giai đoạn thứ hai gọi bạn là Bồ-tát, giai đoạn cao nhất gọi bạn là Phật. Cho nên, những danh xưng này không phải thần tiên, chúng ta xem Phật Bồ-tát thành thần tiên là sai rồi, các ngài là đại biểu cho giai đoạn tu học.

Bốn chữ “như thị ngã văn” này là do tôn giả A-nan nói ra cho chúng ta, những lời này không phải ngài tự mình nói, mà đích thân nghe Phật nói ra. Phật cũng không phải lấy ý của mình, mà là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh. Vì vậy, sau khi nói ra bốn câu này đã khiến chúng ta sinh khởi tâm cung kính, tâm tôn kính, tâm tín ngưỡng, cho nên nó được gọi là “tín thành tựu”; như thị là

tín thành tựu, ngã văn là văn thành tựu. Tốt rồi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ giảng một câu này.